

Bản án số: 362/2018/DS-ST

Ngày: 03/8/2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phương Thảo

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân Trinh;
2. Ông Nguyễn Hòa Bình.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Võ Ngọc Đức - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Gấm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 8 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 69/2018/TLST-DS ngày 14/3/2018, về việc: “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2018/QĐST-DS ngày 10/7/2018, giữa:

1.Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A

Địa chỉ trụ sở: đường N, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Phường Z, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T; Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Châu Văn H1, sinh năm 1993; (Có mặt)

Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 779/UQ-QLN.18 ngày 19/7/2018).

2.Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 02 năm 2018 và tại các bản tự khai, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (Sau đây gọi là Ngân hàng) do ông Châu Văn H1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 05/9/2011 Ngân hàng Thương mại cổ phần A và bà Nguyễn Thị H có ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng (số thẻ tín dụng số 4791 3825 2903 6110), bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng, theo đó Ngân hàng đồng ý cấp hạn mức thẻ với số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), hiệu lực thẻ 36 tháng kể từ tháng 9/2011 đến tháng 8/2014 (Lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn theo bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Trong quá trình sử dụng thẻ, bà Nguyễn Thị H đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng theo Thông báo giao dịch hàng tháng. Bà H chỉ thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số tiền là 17.593.847 (mười bảy triệu năm trăm chín mươi ba ngàn tám trăm bốn mươi bảy) đồng và từ sau ngày 23/4/2014 bà H không thanh toán tiếp các khoản nợ theo như thỏa thuận. Do đó, ngày 23/4/2014, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Nay, Ngân hàng đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho phía nguyên đơn tổng số tiền còn thiếu tính đến ngày 03/8/2018 là 23.819.093 đồng (Hai mươi ba triệu tám trăm mười chín ngàn không trăm chín mươi ba), trong đó bao gồm tiền gốc là 8.630.826 (tám triệu sáu trăm ba mươi ngàn tám trăm hai mươi sáu) đồng và tiền lãi là 15.188.267 (mười lăm triệu một trăm tám mươi tám ngàn hai trăm sáu mươi bảy) đồng, ngoài ra bà H còn phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của Ngân hàng kể từ ngày 04/8/2018 đến ngày bà Nguyễn Thị H trả dứt nợ, theo thứ tự sau: vốn gốc, lãi quá hạn. Tất cả trả làm một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, ông Châu Văn H1 là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu nguyên đơn thanh toán tổng số tiền còn thiếu tính đến ngày 03/8/2018 là 23.819.093 đồng (Hai mươi ba triệu tám trăm mười chín ngàn không trăm chín mươi ba) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của Ngân hàng kể từ ngày 04/8/2018 đến ngày bà Nguyễn Thị H trả dứt nợ. Tất cả trả làm một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, ông H1 xác định chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị H thanh toán số tiền còn nợ như trên, không yêu cầu trách nhiệm liên đới vợ chồng vì đây là hợp đồng tín dụng cho vay tiêu dùng hợp pháp của cá nhân bà Nguyễn Thị H.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 17/5/2018 và 12/6/2018 nhưng bà H không đến làm việc và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn bà Nguyễn Thị H. Tòa án cũng tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2018/QĐST-DS ngày 10/7/2018 nhưng bà Nguyễn Thị H vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, TP. Hồ Chí Minh:

Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Căn cứ các Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H thanh toán tổng số tiền còn thiếu là 23.819.093 đồng (Hai mươi ba triệu tám trăm mười chín ngàn không trăm chín mươi ba). Bị đơn bà Nguyễn Thị H sinh năm 1973 có địa chỉ cư trú tại phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản là loại tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn, bà Nguyễn Thị H đã được tổng đạt niêm yết hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn xác nhận việc cho bà H vay để tiêu dùng cá nhân nên chỉ yêu cầu cá nhân bà H thanh toán số tiền còn nợ như trên, không yêu cầu trách nhiệm liên đới vợ chồng nên đề nghị Tòa án không triệu tập chồng của bà H vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Xét, bà H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bà H nhưng vẫn không có ý kiến phản đối. Do đó, Tòa án không triệu tập chồng của bà H tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H phải thanh toán tổng số tiền còn thiếu tính đến ngày 03/8/2018 là 23.819.093 đồng (Hai mươi ba triệu tám trăm mười chín ngàn không trăm chín mươi ba) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của A kể từ ngày 04/8/2018 đến ngày bà Nguyễn Thị H trả dứt nợ, theo thứ tự sau: vốn gốc, lãi quá hạn. Tất cả trả làm 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Theo kết quả trả lời Phiếu yêu cầu xác minh số 116/2018/PYCXM ngày 16/3/2018 của Công an phường Tân Hưng, Quận 7 thì: “Đương sự Nguyễn Thị H có hộ khẩu thường trú tại số 282/1 đường Lê Văn Lương, Tổ 07, Khu phố 1, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh thực tế cư trú tại địa chỉ trên”.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ cho bị đơn bà Nguyễn Thị H các văn bản tố tụng của Tòa án gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án số 69/2018/TBTL-DS ngày 14/3/2018; giấy triệu tập và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 17/5/2018; giấy triệu tập và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 12/6/2018; giấy triệu tập tham gia phiên tòa, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2018/QĐST-DS ngày 10/7/2018 nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt không lý do nên căn cứ vào khoản 4 Điều 91, Điều 94, Điều 95 và Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bị đơn bà Nguyễn Thị H đã tự tước bỏ quyền được chứng minh, trình bày ý kiến của mình và phải chịu hậu quả của việc vắng

mặt, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận lời khai và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như các chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Ngân hàng Thương mại cổ phần A hoạt động các lĩnh vực tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (Mã số doanh nghiệp: 0301452948) của Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ ngày 05/9/2011 giữa Ngân hàng với bà Nguyễn Thị H, thì Ngân hàng cấp hạn mức thẻ cho bà H với số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng, thời hạn vay 36 tháng kể từ tháng 9/2011 đến tháng 8/2014; Lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn theo bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A. Xét, chủ thẻ ký kết, nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 117, Điều 118, Điều 119 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng nên buộc các bên phải thực hiện theo thỏa thuận Hợp đồng.

Thực hiện Hợp đồng, bà Nguyễn Thị H đã nhận đủ tiền vào ngày 05/9/2011. Theo thỏa thuận, bà H có nghĩa vụ trả nợ hằng tháng, tuy nhiên, bà H chỉ thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số tiền là 17.593.847 (mười bảy triệu năm trăm chín mươi ba ngàn tám trăm bốn mươi bảy) đồng và từ sau ngày 23/4/2014 bà H không thanh toán tiếp các khoản nợ theo như thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả làm một lần số tiền nợ gốc, phạt chậm trả và tiền lãi đến ngày 03/8/2018 là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015:

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.”

Căn cứ Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015:

“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”.

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”. Thỏa thuận lãi suất vượt quá 13,5%/năm là cao so với quy định của pháp luật dân sự. Tuy nhiên Ngân hàng Thương mại cổ phần A có chức năng hoạt động tín dụng nên phần lãi suất do các bên thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Do vậy Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng (số thẻ 4791382529036110) ngày 05/9/2011 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật và có cơ sở nên chấp nhận.

Về thời gian trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 03/8/2018 là 23.819.093 đồng (Hai mươi ba triệu tám trăm mười chín ngàn không trăm chín mươi ba), tất cả trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu của nguyên đơn không trái quy định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất do hai bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ ký ngày 05/9/2011 kể từ ngày 04/8/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn phù hợp với thỏa thuận hợp đồng nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do bị đơn có nghĩa vụ phải trả nợ cho nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 546.965 (năm trăm bốn mươi sáu ngàn chín trăm sáu mươi lăm) đồng.

[6] Quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại cổ phần A, bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 357, Điều 466, Điều 468 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị H.
2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

2.1. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số tiền tính đến ngày 03/8/2018 là 23.819.093 đồng (Hai mươi ba triệu tám trăm mười chín ngàn không trăm chín mươi ba), tất cả trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 04 tháng 8 năm 2018, bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ ký ngày 05/9/2011 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí là 1.190.955 (một triệu một trăm chín mươi ngàn chín trăm năm mươi lăm) đồng.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 546.965 (năm trăm bốn mươi sáu ngàn chín trăm sáu mươi lăm) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0025216 ngày 14/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Báo cho nguyên đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng bị đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Đức).

Lê Phương Thảo